TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Trang;

2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13/4/2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/05/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Văn V, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Hồng H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1954 (vắng măt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986 (vắng măt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (vắng măt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Phạm Văn V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh V và chị H do mai mối, không tìm hiểu nhau, được gia đình tổ chức cưới vào năm 1997- 1998, sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng 06 năm gần đây chị H đi làm có quan hệ với bạn bè là nam giới, anh V không đồng ý và có khuyên nhủ chị H, chị H không thừa nhận có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng cự cải nhau. Khoảng năm 2022 – 2023 anh V phát hiện chị H có tình cảm và đi theo người đàn ông khác, được một thời gian chị H trở về nhà, rồi lại tiếp tục bỏ nhà đi. Vì vậy, vợ chồng cũng đã sống ly thân được 05 năm. Sau khi chị H bỏ đi anh V cũng đến gặp và động viên chị H trở về chung sống nhưng chị H không đồng ý. Hiện nay anh V không còn tình cảm với chị H nên anh V yêu cầu được H hôn với chị Nguyễn Hồng H.

- *Về con chung*: anh V trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phạm Vũ L1 sinh ngày 9/7/1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: anh V trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh V1 trình bày đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng H vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày ý kiến:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh V1 xin ly hôn thì chị H cũng đồng ý.

- *Về tài sản chung: chị H yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản chung là căn nhà và thửa đất là 350.000.000đ.*

- *Nợ chung:* Chị H trình bày vợ chồng có nợ của bà Lê Thị N là 5,5 chỉ vàng 24k, nợ Nguyễn Văn N1 10 chỉ vàng 24k, nợ Nguyễn Văn C 30.000.000đ và nợ Nguyễn Văn L 05 chỉ vàng 24k. Chị H yêu cầu được chia đôi nợ chung với anh V1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng tuy nhiên vẫn

vắng mặt tại phiên Tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện theo qui định tại điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Hồng H. Về con chung: con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: anh V Trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung: anh V trình bày đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn V yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đang cư trú tại ấp P, xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Hồng H, ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N1 và bà Lê Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên các đương sự nên trên vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, tiến hành xét xử vắng mặt chị chị H, bà N, ông N1, ông C, ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Hồng H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường hay cải nhau do anh V cho rằng chị H có tình cảm với người đàn ông khác, anh V có động viên nhưng chị H không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 05 năm. Do không còn tình cảm nên anh V yêu cầu ly hôn với chị H. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm

xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chung thủy và giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường cải vã về vấn đề chị H có tình cảm với người đàn ông khác, thời gian sống ly thân anh V cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị H không đồng ý trở về chung sống trở lại. Nay anh V xin ly hôn thì chị H cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh V và chị H đã thật sự trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh V yêu cầu ly hôn với chị H là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Hồng H.

[2] Về con chung: anh V và chị H chung sống có 01 con chung tên Phạm Vũ L1 sinh ngày 9/7/1999. Anh V trình bày hiện nay con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không có văn bản trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay con chung của canh V và chị H đã trưởng thành, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: anh V trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có đơn yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung là 350.000.000đ, tuy nhiên chị H không nộp tạm ứng án phí để thụ lý yêu cầu chia tài sản chung theo thông báo của Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của chị H, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung: anh V trình bày có nợ của Ngân hàng C2, nợ chị Nguyễn Thị T, nợ ông Lê Văn R, ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị T1, tuy nhiên anh V đã thỏa thuận được với các đương sự nêu trên. Chị Nguyễn Hồng H trình bày có nợ của ông Nguyên Văn C1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N1 và bà Lê Thị N. Tuy nhiên, ông L2, N1, C1 và bà N không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không nộp đơn yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Anh Phạm Văn V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản khoản 1 điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Hồng H.

2. Về con chung: cháu Phạm Vũ L1 sinh ngày 9/7/1999 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: anh V trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về, nợ chung: anh V trình bày đã thỏa thuận nợ xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp ngày 13/4/2023 theo biên lai số 0017373 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí anh V phải nộp.

6. Nguyên đơn anh Phạm Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan